

Số: 3208/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư và thời gian thực hiện dự án:
Hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư Công trình nâng
cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn phía Bắc thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh
Đắk Lắk thuộc Dự án đường Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009, Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 4132/QĐ-BGTVT ngày 28/12/2007 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn phía Bắc thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thuộc Dự án đường Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 27/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự án dự án Hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư Công trình nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn phía Bắc thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thuộc Dự án đường Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2061/SKHĐT-ĐTGT ngày 19/10/2016, Tờ trình số 258/TTr-SKHĐT ngày 26/7/2016 và Báo cáo kết quả thẩm định số 257/BC-SKHĐT ngày 26/7/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Khoản 6 và Khoản 9 Điều 1 Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 27/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự án Hợp phần bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư Công trình nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn phía Bắc thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thuộc Dự án đường Hồ Chí Minh, như sau:

1. Điều chỉnh Khoản 6 Điều 1, như sau:

“6. Tổng mức đầu tư: **98.669.716.000 đồng**. (Chín mươi tám tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm mười sáu ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư : 65.988.665.000 đồng;

- Chi phí di dời cơ sở hạ tầng : 32.681.051.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)”.
2. Điều chỉnh Khoản 9 Điều 1, như sau:

“9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2008 – 2015”.

Điều 2. UBND thành phố Buôn Ma Thuột (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này và quản lý đầu tư công trình theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CN (Hg 22).

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
DỰ ÁN: HỢP PHẦN BỒI THƯỜNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, TÁI ĐỊNH CƯ
CÔNG TRÌNH NÂNG CẤP, MỞ RỘNG QUỐC LỘ 14 ĐOẠN PHÍA BẮC THÀNH PHỐ
BUƠN MA THUỘT THUỘC DỰ ÁN ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Quyết định số: 3208/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

TT	Khoản mục chi phí	Tổng mức đầu tư đã phê duyệt tại QĐ số 1033/QĐ-UBND	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Giá trị tăng, giảm (-)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	73.180.240.000	65.988.665.000	-7.191.575.000
a	Chi phí bồi thường GPMB	55.462.664.000	65.988.665.000	10.526.001.000
	Bồi thường, hỗ trợ về đất	40.738.308.000	50.366.103.000	9.627.795.000
	Bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, vật kiến trúc	13.196.315.000	13.395.761.000	199.446.000
	Chi phí bồi thường hỗ trợ về cây cối, hoa màu	257.844.000	297.169.000	39.325.000
	Các chính sách hỗ trợ	182.700.000	234.477.000	51.777.000
	Chi phí cưỡng chế, bảo vệ thi công		81.368.000	81.368.000
	Chi phí công tác bồi thường, GPMB	1.087.497.000	1.285.664.000	198.167.000
	Chi phí kiểm toán		265.546.000	265.546.000
	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		62.577.000	62.577.000
b	Chi phí dự phòng	17.717.576.000		-17.717.576.000
2	Chi phí di dời cơ sở hạ tầng	32.421.760.000	32.681.051.000	259.291.000
a	Di dời hệ thống điện	13.148.000.000	13.148.000.000	
b	Di dời hệ thống nước	11.492.000.000	11.492.000.000	
c	Di dời hệ thống cống bê, cáp quang, cáp đồng	6.657.000.000	6.657.000.000	
d	Thu hồi tuyến ống cấp nước sinh hoạt	884.760.000	834.000.000	-50.760.000
e	Đo đạc, vẽ bản đồ địa chính, khôi phục mốc địa chính.	240.000.000	550.051.000	310.051.000
	Tổng cộng:	105.602.000.000	98.669.716.000	-6.932.284.000

